

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25-5-2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Đức Hưng.

Bà Ký Bé Lại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1993 (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Minh T, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp C, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 4 năm 2018 và tại phiên tòa, chị Phạm Thị T trình bày: Vào năm 2016 chị và anh Phạm Văn Minh T chung sống với nhau như vợ chồng và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29 tháng 3 năm 2017. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp và thường xuyên xảy ra tranh cãi, mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn Minh T. Về con chung, có một người tên là Phạm Thảo V (giới tính nữ), sinh ngày 09 tháng 6 năm 2017, hiện do chị nuôi dưỡng, chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Phạm Văn Minh T cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 650.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05 tháng 4 năm 2018, bị đơn anh Phạm Văn Minh T trình bày: Về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn, mâu thuẫn xảy ra đúng như chị Phạm Thị T trình bày. Nay cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được nên anh đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị T. Về con chung có một người đúng như chị Phạm Thị T đã khai, anh chấp nhận giao con chung cho chị Phạm Thị T tiếp tục nuôi, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 650.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Việc chị Phạm Thị T xin ly hôn anh Phạm Văn Minh T là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, anh Phạm Văn Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Phạm Văn Minh T là có căn cứ.

[2] Xét về hôn nhân, chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn Minh T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn Minh T được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn Minh T đều thừa nhận quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp và thường xuyên xảy ra tranh cãi, mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thành nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Phạm Thị T yêu cầu ly hôn và được anh Phạm Văn Minh T đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn Minh T trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, chấp nhận cho chị Phạm Thị T ly hôn với anh Phạm Văn Minh T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung có một người tên là Phạm Thảo V (giới tính nữ), sinh ngày 09 tháng 6 năm 2017, hiện đang do chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn Minh T thống nhất thỏa thuận giao con chung cho chị Phạm Thị T tiếp tục nuôi và anh Phạm Văn Minh T thống nhất cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 650.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng. Sự thỏa thuận về người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con giữa chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn Minh T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và đúng theo quy định tại các điều 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó, công nhận sự thỏa thuận về người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con giữa chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn Minh T là có căn cứ.

[4] Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn Minh T xác định tài sản chung và nợ chung là không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con, chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn Minh T chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị T ly hôn với anh Phạm Văn Minh T.

2. Về con chung, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Chị Phạm Thị T chịu trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung tên là Phạm Thảo V (giới tính nữ), sinh ngày 09 tháng 6 năm 2017.

Anh Phạm Văn Minh T chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 650.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/5/2018) cho đến khi con chung (Phạm Thảo V) đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống.

Anh Phạm Văn Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006999, ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, chị Phạm Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Phạm Văn Minh T phải chịu 150.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Phương